

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 22 /2020/ĐS-ST

Ngày 24-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Trường

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2019/TLST-DS ngày 17/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Trụ sở chính: Tầng 2, số 296 P, phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ. (Văn bản ủy quyền số 33/2019/UQ-HĐQT ngày 09/4/2019)

Ủy quyền lại cho: Ông Đặng Quốc Đ, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Theo Văn bản ủy quyền số 25684/2019/UQ-VPB ngày 30/7/2019) (có mặt)

Trụ sở: Lầu 1 số 96 C, phường B, Quận T, tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: - Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T có vay vốn của Ngân hàng TMCP X Chi nhánh Đồng Nai – PGD Hồ Nai theo Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017. Nội dung cụ thể như sau: số tiền vay 294.000.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, vay mua ô tô VEAM. Thỏa thuận lãi suất trong hạn thời điểm vay 8.5%/năm, cố định 12 tháng đầu tiên, từ tháng 13 trở đi lãi suất sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc thang cao nhất của ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm. Định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 20, số tiền gốc hàng tháng phải trả là 4.900.000đ (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

Ngày 20/4/2017, ngân hàng đã giải ngân thông qua khế ước nhận nợ số 12905490/HNI/HĐTD.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T và Ngân hàng X đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/04/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/04/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp.Đà Nẵng với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu VEAM, số loại VT252, số khung RN1E1B1C2GLF03844, số máy D4BFF020685, biển kiểm soát 72C-101.00.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng từ ngày 20/08/2018. Ngân hàng đã gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu ông Trường, bà Thủy thanh toán nhưng ông T, bà T vẫn không thanh toán.

Tính tới ngày 07/02/2020 ông T và bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là: 73.600.419 đồng và lãi là: 30.163.528 đồng. Dư nợ còn lại tính đến hết ngày 07/02/2020 là:

- Nợ gốc: 220.399.541 đồng
- Nợ lãi: 72.770.580 đồng
- Tổng nợ: 293.170.121 đồng

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền còn nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 07/02/2020 là 293.170.121 đồng, trong đó nợ gốc là 220.399.541 đồng và nợ lãi là 72.770.580 đồng.

2. Ngoài ra, ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/02/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay.

3. Để đảm bảo thanh toán nợ vay trong trường hợp khách hàng không thanh toán, kính đề nghị Tòa án tuyên tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/04/2017 sẽ được phát mãi thi hành án để thanh toán cho khoản vay trên.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay, ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết

nợ vay, đồng thời phải chịu tất cả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ kiện trên.

Tại biên bản làm việc ngày 07/02/2020, ông Đặng Văn T trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/4/2017 vay tiền của Ngân hàng X, vay số tiền 294.000.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, vay mua ô tô VEAM. Thỏa thuận lãi suất trong hạn thời điểm vay 8.5%/năm, cố định 12 tháng đầu tiên, từ tháng 13 trở đi lãi suất sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc thang cao nhất của ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm. Định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 20, số tiền gốc hàng tháng phải trả là 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngày 20/4/2017, ngân hàng đã giải ngân thông qua khế ước nhận nợ số 12905490/HNI/HĐTD.

Để đảm bảo khoản vay, ông có ký hợp đồng thế chấp số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/4/2017, thế chấp quyền sở hữu chiếc xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung RN1E1B1C2GLF03844, số máy D4BFF020685 mang BKS 72C-101.00.

Nguồn gốc khoản vay là do ông đứng tên vay giúp vợ chồng chị gái để mua xe làm ăn. Sau khi mua xe, anh chị ông trực tiếp quản lý sử dụng xe nhưng không thanh toán nợ cho ngân hàng. Tình hình kinh tế của ông cũng khó khăn nên từ tháng 8/2018, ông không có khả năng thanh toán gốc lãi cho ngân hàng.

Theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông đồng ý thanh toán cho ngân hàng X số tiền còn nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 07/02/2020 là 293.170.121 đồng, trong đó nợ gốc là 220.399.541 đồng và nợ lãi là 72.770.580 đồng. Ông còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/02/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, ông đồng ý để Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi bán tài sản đã thế chấp là chiếc xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung RN1E1B1C2GLF03844, số máy D4BFF020685 mang BKS 72C-101.00 để ngân hàng thu hồi nợ.

Bà Nguyễn Thị Bích T đồng ý với nội dung ông T trình bày, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu:

1. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền còn nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 24/8/2020 là 318.023.843 đồng, trong đó nợ gốc là 220.399.541 đồng và nợ lãi là 97.624.302 đồng.

2. Ngoài ra, ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T còn phải thanh toán

cho Ngân hàng X tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay.

3. Để đảm bảo thanh toán nợ vay trong trường hợp khách hàng không thanh toán, kính đề nghị Tòa án tuyên tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/04/2017 sẽ được phát mãi thi hành án để thanh toán cho khoản vay trên.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay, ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay, đồng thời phải chịu tất cả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

^[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T cư trú tại thị xã Phú Mỹ và nơi thực hiện hợp đồng cũng tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

^[2] Về nội dung:

2.1 Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc và lãi:

Xét Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017, Khế ước nhận nợ số 12905490/HNI/HĐTD ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP X và ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T, được các bên tự nguyện ký kết, có

hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/02/2020, bị đơn xác nhận có nợ và đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án bằng biên bản hòa giải thành. Đến ngày 08/02/2020, đại diện ngân hàng có văn bản xin hủy kết quả hòa giải thành ngày 07/02/2020 lý do ngân hàng cho ông T, bà T trong thời hạn 7 ngày để giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận, nguyên đơn yêu cầu tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không đến tòa làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T, bà T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh, không tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy có đủ cơ sở xác định ông T, bà T có vay và hiện còn nợ lại tiền của Ngân hàng X số tiền gốc 220.399.541 đồng (Hai trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng)

Về yêu cầu thanh toán các khoản lãi: Do ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả khoản lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 24/8/2020 là 97.624.302 đồng, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017 và Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận. Ông T, bà T còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ ngày 24/8/2020 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017 trên số tiền và thời gian chậm trả.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi ông T, bà T phải thanh toán cho ngân hàng là: 318.023.843 đồng.

2.1 Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Do hợp đồng thế chấp tài sản số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/04/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/04/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp.Đà Nẵng nên có giá trị pháp lý. Trường hợp ông Trường, bà Thủy không thanh toán đủ các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung RN1E1B1C2GLF03844, số máy D4BFF020685 mang BKS 72C-101.00, để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay, ông Trường, bà Thủy có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay.

Trường hợp, ông T, bà T thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng X trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông T, bà T.

^[3] Về chi phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T, bà T phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Do ngân hàng TMCP X đã nộp tiền tạm ứng chi

phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ nên ông T, bà T phải hoàn lại tiền cho ngân hàng.

^[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà T phải nộp án phí đối với số 318.023.843 đồng là: 15.901.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010;

Điều 147, Điều 157, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X .

1. Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017, Khế ước nhận nợ số 12905490/HNI/HĐTD ngày 20/4/2017 là 318.023.843 đồng (Ba trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 220.399.541 đồng (Hai trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).

Nợ lãi 97.624.302 đồng (Chín mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ hai đồng).

Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ ngày 25/8/2020 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 12905490/HNI/HĐTD ngày 19/04/2017, Khế ước nhận nợ số 12905490/HNI/HĐTD ngày 20/4/2017 trên số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp, ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T không thanh toán đủ các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản số 12905490/HNI/HĐTCSP ngày 19/04/2017 là chiếc xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung RN1E1B1C2GLF03844, số máy D4BFF020685 mang BKS 72C-101.00 đã được Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký ô tô cho ông Đặng Văn T để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay, ông T, bà T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay.

Trường hợp, ông T, bà T thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP X trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông T, bà T.

2. Về chi phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T, bà T phải hoàn lại cho ngân hàng TMCP X số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 15.901.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP X 6.183.000 đồng (Sáu triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0003962 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thảo Nguyên